CHẾ ĐỘ SÁT HẠCH HỌC QUAN DƯỚI TRIỀU NGUYỄN THẾ KỶ XIX

TRỊNH THỊ HÀ*

Năm 1802 triều Nguyễn chính thức được thành lập, tiếp tục lấy Nho giáo làm ý thức hệ để xây dựng, củng cố bộ máy chính quyền quân chủ chuyên chế; đồng thời coi giáo dục và khoa cử Nho học là một trong những phương thức quan trọng để đào tạo và lựa chọn đội ngũ trí thức có trình độ tham gia bộ máy nhà nước. Để khuyến khích giáo dục phát triển, triều Nguyễn đã ban hành và thực thi nhiều chính sách khác nhau, gồm xây dựng cơ sở trường lớp, tuyển chọn học sinh, ban cấp sách vở, tuyển chọn giáo viên, ban cấp lương bổng cho thầy và trò…, trong đó việc lựa chọn đội ngũ học quan có học hạnh để tham gia quản lý, giảng dạy trong hệ thống trường học từ cấp trung ương xuống địa phương là một trong những việc làm rất quan trọng.

Thời Nguyễn, ở mỗi triều vua và trong từng hệ thống trường học sẽ có số lượng học quan khác nhau song đều khá nhất quán trong những quy định chung về tiêu chí tuyển chọn, quy định trách nhiệm, các chế độ đãi ngộ về vật chất và tinh thần dành cho họ gồm lương bổng, cấp khẩu phần ruộng công, thực hiện chế độ ấm thụ cho con cháu... Tuy nhiên, để ràng buộc các học quan có trách nhiệm và làm tốt hơn nữa trách nhiệm giáo dục, nhà Nguyễn rất đề cao việc khảo khóa học quan thông kì "sát hạch giáo chức", lấy đó làm cơ sở đánh giá năng lực và phân loại học quan tốt, xấu để có hình thức khen thưởng, xử phạt thích hợp, coi đây là một trong những phương thức "giáo dục lại" học quan. Vậy tại sao triều Nguyễn lại coi trọng việc đánh giá năng lực của đội ngũ học quan, chế độ sát hạch giáo chức được triều Nguyễn quy định như thế nào, phương thức thực hiện ra sao? Chế độ sát hạch đó có tác dụng như thế nào đối với sự phát triển giáo dục, khoa cử Nho học của triều Nguyễn? Bài viết: "*Chế độ sát hạch học quan dưới triều Nguyễn thế kỷ XIX*" sẽ góp phần làm sáng tỏ điều đó.

1. Hệ thống các chức học quan

Theo *Từ điển tiếng Việt*, học quan là chỉ chức quan trông coi việc giáo dục ở cấp tỉnh hay phủ, huyện thời thực dân Pháp (1). Dưới thời quân chủ, học quan chỉ tên gọi chung của các chức quan quản lý việc học và trực tiếp dạy học. Do vậy, học quan trong phạm vi nghiên cứu này sẽ bao gồm các chức quan quản lý, quan dạy học và hỗ trợ việc dạy học tại hệ thống trường học do triều Nguyễn mở từ cấp trung ương xuống địa phương thế kỷ XIX.

Dưới thời Nguyễn độc lập, tự chủ từ năm 1802 đến năm 1884, hệ thống trường học được xây dựng và mở rộng rất nhiều, trải dài khắp ba miền đất nước. Tại Kinh

*TS. Viện Sử học, Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam

đô Huế, ngoài *Quốc Tử Giám* (trường dựng năm 1793 với tên gọi ban đầu là Quốc học Đường, đến năm 1821 đổi thành Quốc Tử Giám), là trung tâm giáo dục Nho học lớn nhất cả nước, còn có hệ thống trường học dành cho con cháu trong tôn thất gồm: *Tập thiện đường (*còn gọi là Giảng đường) lập năm 1817, *Sở học đường* (còn gọi là Sở tôn học) dựng năm 1850, *Tập hiền viện* lập năm 1847. Ở cấp địa phương, triều Nguyễn đã cho xây dựng trường cấp tỉnh, phủ, huyện, thậm chí cấp tổng. Cuộc cải cách hành chính của vua Minh Mệnh (1831-1832) đã chia cả nước thành 31 đơn vị hành chính, gồm 30 tỉnh và 1 phủ Thừa Thiên, trong đó hầu hết các tỉnh đều đặt trường học cấp tỉnh, hoặc phủ, huyện (28/31 tỉnh thành có trường học). Qua thống kê từ *Đại Nam nhất thống chí*, tính riêng giai đoạn từ năm 1864 đến năm 1875 triều Nguyễn đã xây dựng được 159 ngôi trường, gồm: 19 trường cấp tỉnh (17 trường tỉnh, 2 trường đạo), 65 trường phủ và 75 trường huyện. Từ năm 1812, sau khi tình hình tổ chức về hành chính dần được ổn định, vua Gia Long cho mở thêm hệ thống giáo dục công lập xuống cấp cơ sở, đó là cấp tổng, chủ yếu được mở ở vùng Bắc Thành và trung du miền núi phía Bắc.

Tương ứng với hệ thống trường học, triều Nguyễn cũng cho xếp đặt chức học quan tham gia quản lý, giảng dạy tại trường với nhiều chức vụ khác nhau. Ở trường Quốc Tử Giám, dưới thời Gia Long cho đặt chức *Đốc học* và *Phó đốc học* để vừa lo việc điều hành, vừa phụ trách việc giảng dạy. Dưới triều vua Minh Mệnh, năm 1821 chỉ đặt ở Quốc Tử Giám "1 viên Tế tửu, 2 viên Tư nghiệp, bỏ chức phó Đốc học" (2). Trải qua các triều vua từ Gia Long, Minh Mệnh, Thiệu Trị, Tự Đức, số lượng các học quan có điều chỉnh ít nhiều nhưng vẫn đảm bảo hệ thống các chức quan đầy đủ với số lượng cụ thể như sau: 2 viên Tư nghiệp; Học chính, Giám thừa, Điển thư, Điển lục mỗi chức 1 viên; 6 vị Nhập lưu (chia làm 2 ban, mỗi ban 3 người); 1 viên Tự thừa ở lễ sinh hiệu thuộc Giám; 50 vị Nhập lưu (chia làm 2 ban: một ban ở làm việc; 2 ban về nghỉ); cộng là 62 viên (3). Ngoài ra, triều Nguyễn còn cho đặt viên đại thần kiêm lãnh, chủ yếu đặt một người nhưng cũng có lúc đặt hai người, đây là chức quan kiêm nhiệm, được phân công tháng chẵn, tháng lẻ đến trường để làm nhiệm vụ thanh tra cả thầy và trò, chứ không phải là quan chuyên trách như Tế Tửu, Tư nghiệp. Nhiệm vụ chung của học quan trường Quốc Tử Giám là giảng dạy, rèn tập văn thể cho Giám sinh; đồng thời trực tiếp tham gia hội đồng khảo hạch các hạng Giám sinh, phân loại và bảo cử các Giám sinh có thành tích tốt để bộ Lại bổ dụng chức quan; tham gia tuyển chọn, bổ dụng chức giáo quan cho trường học ở cấp địa phương.

Tập Thiện đường là trường học dạy các các hoàng tử, thái tử, là những người trong tương lai sẽ trị vì đất nước. Các chức quan giảng dạy là các văn quan có phẩm trật Tam phẩm trở lên, gồm: Hoàng thân Sư bảo (thầy dạy): 1 người; Hoàng thân giáo đạo 1 người; Hoàng thân Tán thiện (nâng đỡ làm điều tốt): 2 người; Giảng tập (giảng giải học tập): 20 người; Bạn độc (làm bạn giúp đỡ về việc đọc sách): 4 người; Chính tự (giúp đỡ cho việc viết chữ và số được tốt): 1 người; Ty tùy biện chính cửu phẩm thư lại 1 người, Vị nhập lưu thư lại 4 người (4).

Tôn học đường (Sở Tôn học): là trường học dành cho những người trong tôn thất, là con các thân phiên, hoàng thân và cháu chắt của vua có độ tuổi trong khoảng từ 10 đến 35 tuổi. Dạy học tại cơ quan này có các chức quan: *Giáo tập* giảng dạy, 1 viên Cửu phẩm Thư lại và 2 vị Nhập lưu thư lại được sung từ ty *Thừa biện* chuyên giữ sổ sách và

tất cả các việc đáng cung biện trong trường. Đến năm 1866, triều đình cho đặt lại các chức học quan, gồm: 1 viên Chưởng giáo chuyên làm nhiệm vụ giảng tập, đồng thời lựa chọn ở ty Thừa Biện 2 viên Cửu phẩm Thư lại sung vào làm việc chuyên trách giấy tờ, sách vở ở học đường.

Đối với trường học cấp địa phương: triều Nguyễn đặt chức Đốc học để phụ trách việc học ở trường cấp tỉnh cùng 1 viên *Trợ giáo* giúp việc cho Đốc học; trường cấp phủ do 1 viên *Giáo thụ* quản thúc; trường cấp huyện đặt 1 viên *Huấn đạo* để đảm trách việc giảng dạy và trông coi học trò; trường cấp tổng ngay từ thời vua Gia Long đã ban chỉ dụ cho việc xếp đặt chức *Tổng giáo*.

Như vậy, học quan trong hệ thống trường học triều Nguyễn gồm nhiều chức quan được cơ cấu thành ba bộ phận: quản lý, giảng dạy và chức quan giúp việc cho giáo quan dạy học. Ở mỗi loại hình trường, tuy số lượng chức học quan có nhiều ít khác nhau, có sự thay đổi theo hướng ngày càng hoàn thiện, song đều khá thống nhất trong việc phải lựa chọn những người thông hiểu Nho giáo, đỗ đạt khoa cử, có trình độ uyên thâm và đức độ. Mục đích đặt ra đội ngũ học quan của triều Nguyễn là nhằm "để rèn luyện nhân tài, dự trữ làm người hữu dụng trong nước" (5).

2. Sự cần thiết sát hạch học quan

Học quan thuộc ngạch quan lại của Nhà nước cho nên trong thời gian đương chức họ thường xuyên được kiểm tra, đánh giá năng lực thông qua phép thi "khảo khóa", triều Nguyễn gọi là kỳ thi sát hạch giáo chức. Sát hạch là quá trình kiểm tra xem tri thức hay khả năng có đáp ứng yêu cầu hay không (6), chế độ sát hạch học quan là một bộ phận trong chế độ "khảo khóa" quan lại của triều đình, tuy phương thức tiến hành có khác nhau nhưng mục đích đều nhằm xét duyệt thành tích và hạnh kiểm của các quan lại để quyết định việc khen thưởng, nâng mức phẩm trật.

Việc khảo khóa quan lại nói chung được đặt ra từ thời Lý, khi vào năm Tân Mão (1051), triều đình ra quy định các quan trong triều cả hàng quan văn và quan võ đã làm việc lâu năm mà không mắc lỗi gì đều được thăng chức theo thứ bậc khác nhau. Tuy nhiên, chế độ khảo khóa quan lại nói chung và học quan nói riêng phải đến thời Lê sơ mới thực sự hoàn bị như chỉ dụ năm Hồng Đức thứ 2 (1471) đã nêu rõ: "Đặt ra phép khảo khóa để phân biệt người hay người hèn, thúc đẩy việc trị dân", nghĩa là nhằm kiểm tra nhân cách, khả năng làm việc trong thời gian đương chức để từ đó phân loại trình độ quan loại, có hình thức thăng, giảm phù hợp. Dưới thời Nguyễn, chế độ khảo khóa quan lại và học quan càng giữ vai trò rất quan trọng, bởi qua đó để triều đình xem xét lại cách dùng người có đúng tư cách không và đây cũng là một trong những cách thức để Nhà nước "giáo dục" họ: "Dùng người làm quan thì nên liều lượng tài năng, khảo sát công trạng, khiến cho các quan lại đều xứng đáng với chức vụ. Tìm kiếm người hiền tài thì nên xem xét ở lời nói, ở việc làm, thử thách bằng cách giao cho làm chính sự, khiến người hiền tài đều muốn đứng ở trong triều đình. Dùng người làm tướng thì nên giá ngự bằng ân và oai, khiến cho các tướng đều vui vẻ để mình dùng" (7). Đối với các học quan giảng dạy trong hệ thống trường học thì việc làm này càng cấp thiết hơn bởi: "Việc đặt ra học quan có đức tính mô phạm rất quan trọng. Nếu dùng không được người thì mong sao tác thành được nhiều học trò" (8).

Trong quá trình đương nhiệm, học quan từ trường học cấp Trung ương xuống trường học các địa phương thời Nguyễn cũng bộc lộ nhiều hạn chế, ảnh hưởng nghiêm trọng

đến chất lượng giáo dục học trò. Mà nguyên nhân là do việc tuyển chọn, bảo cử các viên giáo quan không đủ phẩm hạnh, trình độ hoặc thiếu trách nhiệm với công việc được giao. Như trường hợp viên Đốc học Vũ Thực triệu về kinh đô yết kiến nhưng không nói được lời nào, Vũ Đình Tuấn nguyên can án nặng nhưng cũng được bổ chức học quan; Đào Trinh phẩm hạnh kém bị đàn hặc, bị phát giác ra các việc xấu, mà từ trước đến nay không một người nào hặc tâu (9). Đến năm 1835, triều Nguyễn cho giáng chức một cấp đối với quan Hình bộ Nguyễn Kim Bảng, phạt 6 tháng lương đối với Nguyễn Khoa Minh do biết Tri huyện Kim Bảng là Vũ Đình Tuấn vốn có tội tham tang nhưng vẫn đề cử vào chức Đốc học tỉnh Hưng Yên. Năm 1851, vua Tự Đức đã khiển trách Ninh Thuận công Miên Nghi khi đề cử viên quan phạm tội là Phan Văn Xưởng (đỗ hạng Cử nhân) nhưng can án phát đi sung quân giữ chức Giáo thụ phủ Ninh Thuận. Vua đã phản đối bởi người này không có đức hạnh, không thể lấy một tên phạm tội để sung vào việc giảng tập. Năm Quý Hợi (1863), vua Tự Đức đã cho đoạt chức hàm và bỏ tên trong sổ Tiến sĩ, đục bỏ tên trong văn bia Tiến sĩ đối với nguyên Đốc học Phan Hiển Đạo vì do nghi ngờ lòng trung thành của ông đối với triều đình khi từng bị giặc Pháp bắt và đi lại với quân Pháp.

Bản thân một số học quan, mặc dù đảm nhận chức vụ giáo dục học trò, đào tạo nhân tài cho đất nước nhưng phẩm hạnh lại không gương mẫu, có những hành vi trái đạo đức nghề nghiệp như trường hợp Đốc học Quảng Nam là Nguyễn Tiêm cho vay nặng lãi, bị cắt chức. Viên Đốc học Biên Hòa là Đào Trinh say rượu, nói năng bừa bãi cũng bị quan Kinh doãn tham hặc bị cắt chức. Năm Đinh Dậu (1838), triều đình cho xử tội lưu đối với Đốc học Quảng Nam là Lê Duy Phiên do phạm tội lừa người lấy tiền, số tang tới 100 lạng.

Có khá nhiều học quan không làm tròn chức trách của mình trong việc quản lý lớp học, tham gia giảng dạy, khảo hạch học trò; đề cử người không rõ năng lực... đã ảnh hưởng đến nề nếp học tập, trình độ của các hạng học sinh. Thực trạng đó ít nhiều được phản ánh trong chỉ dụ ban hành năm Đinh Sửu (1877): Quan coi việc học là mô phạm cho học trò, thế mà chỉ là quan thanh nhàn ngồi dựa chiếu mà không giảng dạy, cần được tô điểm văn nhã, làm tiêu chuẩn cho sĩ phu…, thầy bạn như thế thì khuôn phép trông vào đâu, từ sau nên gia tâm dạy bảo, khuyên kẻ chăm, răn kẻ biếng, trọng văn nhã, truất phù hoa,… nếu vẫn ít người đỗ như trước, là đạo làm thầy không rõ nên mới đến thế, tất đem quân coi việc học xét xử giáng chức, cách chức, quyết không để cho pháp luật lại cong. Quan to các địa phương đều có chức trách làm việc và dạy ở một phương, từ sau phải lưu tâm thường xét, quan coi việc học nếu có không xứng chức, học trò nếu không chăm học, người lớn thì tâu hặc để trị, người nhỏ thì răn bảo, khiến cho ngày thêm tiến tu, không thế là cũng thiếu chức vụ (10).

Trước thực trạng này, triều đình vừa ban các chỉ dụ nhắc nhở học quan chấn chỉnh mình, đồng thời nghiêm sức thực hiện việc xử phạt những học quan đó dưới nhiều hình thức: cắt giảm lương bậc, miễn bỏ chức vụ... Như năm 1825, triều đình cho miễn chức viên thự Tế tửu Quốc Tử Giám là Trần Trọng Huyến và thự Tư nghiệp Thân Văn Quyền vì bị tội không lấy đúng hạng Giám sinh có học hạnh để bổ dụng chức quan. Chính sử cho biết, có Giám sinh là Lý Trần Trinh tố cáo rằng trong các kì khảo hạch, Nho sinh này đều có 5 khóa đạt ưu nhưng không được dự tuyển, nhưng những người được cử thì là hạng bình,

hạng thứ cùng người mới bổ. Sau khi so lại kết quả khảo hạch của những người được bảo cử lên, thì không có ai đạt hạng ưu, vua cho là Huyến hun đúc không chăm, kén chọn không tinh, giao xuống bộ Lại bàn, bèn giáng Huyến làm Chủ sự bộ Lễ, Quyền làm Chủ sự bộ Lại (11). Năm 1831, triều đình cho phạt 3 tháng lương quan Tế tửu Nguyễn Huy Hựu và Tư nghiệp Phạm Đình Thoan vì dâng sớ đề cử 7 người cho bộ Lễ xét bổ dùng, nhưng khi kiểm tra lại chỉ có 1 người đủ khả năng làm việc. Năm Giáp Tý (1864), do các học quan khi trông kì thi Hương ở Thừa Thiên Huế, Hà Nội, Nam Định đã để xảy ra hiện tượng sĩ tử ở các trường thi này "bàn luận xằng bậy", thậm chí cửa và tường trường thi Thừa Thiên có lời niêm yết bậy, làm huyên náo trường thi. Trước việc đó, vua Tự Đức đã cho cách chức lưu lại các viên Tế tửu, Tư nghiệp, Đốc học, Giáo thụ, Huấn đạo các tỉnh Quảng Trị, Quảng Bình, Quảng Ngãi, Bình Định, Hà Nội, Bắc Ninh, Sơn Tây và Hưng Yên, riêng Đốc học Hải Dương là Cát Văn Tuy và Đốc học Nam Định là Doãn Khuê bị giáng 4 cấp lưu lại. Hoặc vào năm 1875, triều đình cho bãi chức kiêm lĩnh Quốc Tử Giám của Nguyễn Tư Giản do dung túng học trò của mình là Phan Văn Nhã làm giả ấn quan, phạt Giản đến miền núi mộ dân khẩn hoang làm việc để chuộc tội.

Như vậy, việc sát hạch các học quan ngoài lý do nằm trong thể lệ sát hạch viên chức chung do triều đình quy định, còn xuất phát từ thực tế năng lực làm việc của học quan bộc lộ nhiều hạn chế.

3. Các phương thức sát hạch học quan

Theo thâm niên công tác

Việc sát hạch học quan được đặt trong thể lệ khảo hạch chung của các quan viên, tức cũng do bộ Lại trực tiếp chỉ đạo tổ chức việc khảo hạch, cứ ba năm các học quan sẽ được khảo xét thành tích một lần, riêng các học quan trường học ở địa phương sẽ do quan đứng đầu địa phương trực tiếp đảm nhiệm. Nội dung các chỉ dụ ban hành năm 1832, 1836, 1853, 1854, 1855, 1856,1859, 1862, 1874 quy định các chức Đốc học, Giáo thụ, Huấn đạo sẽ do các viên Tổng Đốc, Đốc học hoặc quan Phủ, Bố án các địa phương thuộc hạt mình quản lý trực tiếp thực hiện việc sát hạch để sàng lọc học quan hay dở. Lệ định năm 1832 nêu rõ: "truyền chỉ Tổng đốc Phủ tuần, Bố chánh, Án sát các tỉnh nên gia tâm xét hỏi các viên Đốc học và Giáo thụ, Huấn đạo thuộc hạt, ai là học thức hẹp hòi, hoặc phẩm hạnh có thiếu sót, không làm nổi nghề thầy, đều cứ thực chỉ tên đàn hặc lập tức, đợi lệnh cách bãi, thì cái lỗi trước đây không chịu tâu lên cũng cho gia ân khoan tha. Nếu cứ một mực thiên tư người khác đã phát giác, thì không những viên kém ấy đáng phải xét xử, còn các quan thượng tư ấy thiên vị, tất cũng giao nghị xử không tha" (12).

Như vậy, quan Tổng đốc - đứng đầu Tỉnh sẽ xét hạch chức Đốc học; còn hai chức Giáo thụ, Huấn đạo sẽ do viên Đốc học trực tiếp kiểm tra, sau đó phân ra từng hạng, lập danh sách trình lên tỉnh. Nếu tỉnh nào không có viên Đốc học thì quan trong tỉnh sẽ trực tiếp xét hạch các chức Giáo thụ, Huấn đạo này. Theo quy định của triều đình, quan đứng đầu các tỉnh cần rất nghiêm sức cho các học quan trong việc phải chuyên cần rèn luyện cho thỏa lòng mong của sĩ tử, cũng như phải thật nghiêm minh, sáng suốt trong việc phân loại, đánh giá năng lực học quan, theo đó "nếu người nào tầm thường, và quả thực lười biếng, coi thường việc giảng dạy học trò thì phải lập tức vạch rõ tên đàn hặc tâu lên, đợi chỉ nghiêm trị, để tỏ sự răn bảo" (13). Tuy nhiên, theo quy định năm 1862, khi các tỉnh sát sạch các chức học quan cần xin tư

về Bộ Lại, rồi kết hợp cùng với Nội Các, Cơ Mật Viện để sát hạch các chức học quan, sau đó sẽ trình danh sách kết quả lên bộ Lại để định hình thức khen thưởng, xử phạt. Về thời gian sát hạch các học quan tại trường địa phương theo quy định năm 1854 sẽ được tiến hành vào tháng 2 hàng năm, sau đó sẽ tiến hành phân loại hoặc phải đổi hạng, hoặc theo tuần tự mà bảo cử. Đến năm 1880, triều đình nêu lại quy trình đánh giá quan viên, trong đó đối với chức Giáo thụ, Huấn đạo sẽ do quan Thượng ty xét hạch dựa vào ba tiêu chí học hạnh chính, giảng tập cần, học trò nhiều người đỗ Tiến sĩ, Phó bảng, Cử nhân, chỉ khi đủ tiêu chuẩn, những học quan này mới được lập danh sách chờ khen thưởng.

Kết quả kỳ sát hạch đối với học quan được chia thành 4 hạng: hạng ưu, bình, thứ, liệt cùng với phẩm hạnh, văn chương, mô phạm của người thầy giáo để xếp hạng cao thấp có khác nhau. Theo lệ định năm 1853, vị học quan nào được 3 ưu, với 1 ưu 2 bình, mà hạnh kiểm đoan chính, văn học ưu việt đáng được làm khuôn mẫu, các sĩ tử phần lớn tin theo là thuộc *hạng ưu*; người nào đạt 3 bình, với 2 bình 1 thứ, 1 bình 2 thứ, mà học hạnh đáng nêu, tài năng há xứng chức, cũng được sĩ tử tin theo là thuộc *hạng bình*; người nào đạt 3 thứ, mà văn học cũng đáng nêu, trong sĩ tử cũng có người tin theo là thuộc *hạng thứ*; người nào đạt 3 thứ mà văn học tầm thường, sĩ tử lại ít người tin theo là thuộc *hạng liệt*. Triều đình dựa vào sự phân hạng này để có mức khen thưởng, xử phạt tương ứng, trong đó nếu học quan xếp vào hạng ưu, bình, thứ sẽ được triều đình ban thưởng thêm bổng lộc và thăng cấp, cụ thể là: người hạng ưu được thưởng thăng 1 cấp, hạng bình thưởng kỷ lục 2 lần, hạng thứ vẫn cho giữ chức như cũ, những người hạng liệt đều bị giáng 1 cấp, điều bổ giữ chức ở Kinh (14). Ngoài được thăng thưởng cấp bậc, học quan trường học cấp địa phương còn được thưởng tiền bạc, tùy theo chức vụ cao thấp mà được hưởng mức nhiều ít có khác nhau. Theo đó, nếu Đốc học xếp hạng ưu thì thưởng kỷ lục 1 thứ, đỗ hạng bình cùng Giáo thụ, Huấn đạo đỗ hạng ưu thì đều thưởng tiền lương 3 tháng; Giáo thụ, Huấn đạo đỗ hạng bình được thưởng tiền lương 2 tháng. Còn nếu xếp vào hạng thứ và chưa đầy tại chức 1 năm thì không được xét thưởng. Thực tế, nhiều học quan qua kỳ sát hạch đã được triều đình cho thăng hạng, như năm Tân Tỵ (1881) đã thăng phẩm hàm Quang lộc Tự khanh cho Đốc học Vũ Nhự. Học quan bị xếp *hạng liệt* sẽ giao lại cho quan hàng tỉnh nơi học quan làm việc xét lại, nếu sức khỏe còn đảm bảo để "có thể kham được việc sai phái" thì bị xử giáng một cấp lưu dụng, bị ngưng thăng chức trong 3 năm, đồng thời sẽ bị chuyển đổi chức vụ khác có hàm tương đương; nếu những học quan đó có sức khỏe không đảm đương được công việc, lại già yếu, suy nhược thì cho giữ nguyên hàm và cho về quê hưu dưỡng, được miễn giáng cấp (15).

Bên cạnh đó, triều Nguyễn rất chú trọng đến việc đánh giá phẩm hạnh, trình độ sư phạm và sự tín nhiệm của học trò để xếp hạng học quan theo 3 mức: hạng *cần chức* (siêng năng chức vụ), hạng *tuần phận, cung chức* (giữ bổn phận, làm chức vụ), hạng *dung thường* (kém cỏi, tầm thường), đây là hạng thấp nhất. Việc phân hạng này là cơ sở để triều đình thăng, giáng cấp bậc, trong đó nếu học quan bị liệt vào hạng *dung thường* thì sẽ bị giáng một cấp và luân chuyển sang công việc khác. Đến năm 1857, vua Tự Đức cho điều chỉnh lệ khảo khóa cùng hình thức xử phạt đối với học quan địa phương, trong đó các viên Đốc học, Giáo thụ, Huấn đạo mà bị xếp hạng liệt thì quan địa

phương dựa vào sức khỏe, còn đủ khả năng làm việc sẽ giữ lại làm việc tiếp nhưng sẽ bị đình thăng chức trong ba năm chứ không chuyển vào kinh đảm nhận chức vụ khác như lệ trước; ai không đủ các điều kiện trên thì cho về hưu.

Dựa vào số lượng sĩ tử dự thi và đỗ ngạch thi Hương, thi Hội

Triều Nguyễn còn dựa vào số lượng thí sinh dự kì thi Hương, kết quả thi đỗ ngạch thi Hương, thi Hội của các sĩ tử theo từng địa phương để đánh giá, xếp loại và khen thưởng, xử phạt học quan. Để có cơ sở đánh giá, vào các năm 1825, 1833 khi ban bố những thể lệ về thưởng phạt đối với học quan, triều đình yêu cầu các học trò tham gia việc khảo khóa hoặc đi thi phải ghi rõ là được học ở đâu để cho bộ Lễ có thể theo dõi về việc dạy dỗ của học quan tại các địa phương. Chỉ dụ năm 1825 nêu rõ sau khi thí sinh kết thúc kì khảo hạch, quan địa phương lập danh sách những thí sinh trúng quyển gửi lên, một mặt kê rõ tổng số thí sinh dự thi Hương của từng địa phương cụ thể, mặt khác ở bên cạnh các chữ phủ huyện, cần chua rõ tên các viên Giáo thụ, Huấn đạo dạy học để quan trên có cơ sở đánh giá học quan ngày thường dạy bảo và học trò tin theo như thế nào, cùng số học trò đi thi nhiều hay ít, làm cơ sở để đánh giá, khen thưởng, thăng giáng (16). Trong trường hợp, học trò theo học nhiều thầy giáo ở nhiều địa phương khác nhau, theo lệ định năm 1833, ngoài ghi họ tên của học quan mà học trò theo học chính còn ghi cả những học quan theo học khác mà có thời gian từ 1 năm trở lên, nếu chưa học đủ một năm thì chỉ "biên mấy chữ trước học trường tư" (17).

Đối với những địa phương mà việc học vốn chưa phát triển, người dự thi trúng cách rất ít hoặc chưa từng có người đỗ, mà các học quan lại có công dạy bảo giúp cho sĩ tử dự thi Hương đỗ đạt, lại không có ai bỏ giấy trắng, viết không đủ quyển thì học quan đó được chiếu lệ nghị thưởng gấp bội lên. Hoặc địa phương không có một người nào đỗ, nhưng có số người đi dự thi đông hơn khoa trước gấp đôi, dù không ai bỏ giấy trắng, viết không đủ quyển thì học quan ấy cũng theo lệ nghị xử giảm một nửa. Hạt nào số ứng thí kém, lại không có người đỗ, mà có người bỏ giấy trắng, viết không đủ quyển thì học quan bị phân xử thêm lên, để tỏ sự khuyên răn (18).

Từ thời Tự Đức trở đi, triều đình còn quy định căn cứ vào tỷ lệ số sĩ tử thi đỗ hạng Cử nhân, Tú tài trên tổng mức số sĩ tử dự thi của từng địa phương để làm cơ sở khen thưởng, xử phạt học quan mức nhiều ít có khác nhau. Theo lệ định năm 1853: nếu phủ huyện có *từ 10 đến 50* người dự thi mà đỗ Cử nhân 1 người thì viên Giáo thụ, Huấn đạo được thăng kỷ lục 1 lần; đỗ 2 người thì tăng thêm 1 bậc, đỗ 4 người thì thưởng thăng lên 1 cấp; đỗ 2 tân Tú tài thì Giáo thụ, Huấn đạo được thưởng kỷ lục 1 lần, đỗ thêm 2 tân Tú tài thì tăng mức thưởng thêm 1 bậc, đỗ 8 bậc thì thăng lên 1 cấp. Địa phương có *từ 60 đến 100* người dự thi, đỗ 2 Cử nhân thì Giáo thụ, Huấn đạo được thưởng kỷ lục 1 lần; cứ đỗ thêm 2 người mức thưởng tăng thêm 1 bậc, đỗ đến 8 người thăng lên 1 cấp; đỗ 4 Tú tài thì các học quan này được thưởng kỷ lục 1 lần, đỗ thêm 4 người thì mức thưởng tăng 1 bậc, đỗ đến 16 người thì thăng thưởng 1 cấp. Địa phương có số sĩ tử dự thi *từ 100 đến 200, 300 người* mà đỗ 3 Cử nhân, Giáo thụ và Huấn đạo được thăng 1 kỷ lục, cứ đỗ thêm 3 người thưởng tăng thêm 1 bậc, đỗ lên 12 người sẽ thăng 1 cấp. Đối với hạng Tú tài mà đỗ 6 tân tú tài thì học quan được thưởng 1 kỷ lục 1 lần, cứ đỗ thêm 6 người thì thưởng tăng lên 1 bậc, đỗ đến 24 người thì thưởng thăng 1 cấp (19). Qua nghị định này có thể thấy, theo thể lệ của triều

Nguyễn thì các địa phương mà càng có nhiều người dự thi, yêu cầu số người đỗ hạng Cử nhân, tân Tú tài phải nhiều hơn so với những địa phương cũng có người đỗ nhưng số thí sinh dự thi ít để làm căn cứ thưởng cho học quan (chủ yếu dành cho quan Giáo thụ, Huấn đạo). Trong chế độ thưởng phạt các học quan giữa các địa phương này không có sự khác biệt, dù có sự khác nhau về số lượng thí sinh dự thi, với các hình thức khen thưởng là thưởng kỷ lục, tăng thêm bậc, thăng lên 1 cấp cho hai chức Giáo thụ, Huấn đạo.

Trong kì thi Hội tuyển chọn Tiến sĩ, tùy thuộc số sĩ tử dự thi và trúng cách Phó bảng, Tiến sĩ của mỗi địa phương nhiều ít mà học quan được thưởng kỷ lục, tăng cấp bậc có khác nhau, như Nghị định năm 1881 đã nêu rõ: Phủ, huyện có số sĩ tử dự thi từ *50 người trở xuống*: nếu 1 người đỗ Phó bảng (20) thì Giáo thụ, Huấn đạo tại chức đủ 3 năm được thăng 1 cấp; đỗ Tiến sĩ 1 người thăng 1 cấp và kỷ lục 1 lần. Phủ, huyện có số sĩ tử từ *60 đến 100* người dự thi mà có 1 người đỗ Phó bảng, học quan sẽ được thưởng kỷ lục 1 lần; 1 người đỗ Tiến sĩ thì thăng thưởng 1 cấp. Phủ, huyện có thí sinh dự thi từ *100 đến 200-300* người trở lên, 1 người đỗ Phó bảng thưởng kỷ lục 2 lần, 1 người đỗ Tiến sĩ thưởng kỷ lục 3 lần. Đối với cả ba mức này, cứ đỗ thêm một người thì thưởng thêm 1 bậc, càng đỗ thêm nhiều người thì lần mức thưởng cho học quan sẽ lần lượt mà tăng thêm.

Đối với chức quan Tế tửu, Tư nghiệp và Đốc học, cơ sở để khen thưởng kỷ lục hay thăng cấp dựa vào ngạch đỗ của học trò trên tổng số thí sinh dự thi tính chung của cả tỉnh trực thuộc. Theo quy định năm 1881, khi sĩ tử dự thi càng đông, mà số sĩ tử đỗ Phó bảng, Tiến sĩ không đổi thì mức thưởng kỷ lục của các học quan này sẽ giảm xuống, cụ thể là: nếu sĩ tử dự thi có trên *dưới 100 người*, có 1 người đỗ Phó bảng, học quan được thưởng kỷ lục 3 lần, 1 người đỗ Tiến sĩ thì thưởng thăng 1 cấp; nếu số sĩ tử ứng thí từ *200 đến 400 - 500 người* có 1 người đỗ Phó bảng, học quan được thưởng kỷ lục 2 lần, 1 người đỗ Tiến sĩ thưởng kỷ lục 3 lần; nếu số sĩ tử ứng thí từ *600 đến trên 1000* người mà có 1 người đỗ Phó bảng, học quan được thưởng kỷ lục 1 lần, 1 người đỗ Tiến sĩ, học quan được thưởng kỷ lục 2 lần. Khi ở cả ba mức này, cứ đỗ thêm 1 người (gồm cả Phó bảng, Tiến sĩ), học quan được thưởng thêm 1 bậc, đỗ nhiều thì cứ lần lượt tăng thêm (21).

Đối với học quan trong trường Quốc Tử Giám, nếu có công giáo dục các hạng Giám sinh là con cháu trong tôn thất, hoàng tộc, quan lại (Tôn sinh, ấm sinh) đỗ đạt cao thì sẽ được đặc biệt khen thưởng. Lệnh dụ năm 1853 dưới triều vua Tự Đức nêu rõ: đến kỳ thi Hương, các hạng học sinh Tôn sinh, ấm sinh mà có người đậu Cử nhân chiếu lệ cho thi Hội, người đậu Tú tài chờ đến kỳ thi Hội cho cùng hạch với các Giám sinh, người nào trúng hai hạng ưu, bình trong kỳ thi khảo hạch hàng năm được vào thi Hội, nếu có người trúng tuyển Tiến sĩ, Phó bảng thì quan ở Quốc Tử Giám sẽ được trọng thưởng, nếu có người tuy không dự trúng nhưng bài có điểm cũng chuẩn cho khỏi xét tội (22).

Trong trường hợp, học quan không có học trò đỗ hạng Cử nhân, Tú tài hoặc đỗ Phó bảng, Tiến sĩ thì sẽ bị phạt bổng giáng cấp, mức phạt nhiều ít có khác nhau, tùy vị trí của từng chức học quan. Như lệ định năm 1829 đối với chức Giáo thụ, Huấn đạo mà không có học trò đỗ hạng Cử nhân, Tú tài mà có thời gian tại chức 1 năm thì phạt bổng 6 tháng, tại chức năm rưỡi phạt bổng 9 tháng; tại chức 2 năm phạt bổng 1 năm; tại chức 3 năm giáng một cấp. Hoặc theo chỉ dụ năm 1853, các học quan trong trường Quốc Tử Giám khi có các học trò là

Tôn sinh, ấm sinh khi dự thi Hội mà có quá nhiều người bài không được điểm thì sẽ bị phạt tội nặng.

Dựa vào thái độ học tập và lỗi vi phạm bài thi của học trò

Triều Nguyễn cũng rất coi trọng phương thức đánh giá năng lực của học quan thông qua thái độ học tập, cùng một số những vi phạm bài thi của học trò khi dự các kì thi Hương, thi Hội. Theo đó, học quan có học trò chăm học, đỗ cao thì sẽ được thưởng kỷ lục, gia tăng cấp, bậc; ngược lại khi học quan không có bất kỳ sĩ nhân nào thi đỗ, hoặc vi phạm trường quy sẽ bị giảm trừ lương, bổng, giáng cấp bậc. Tùy theo thời gian đương chức của học quan nhiều ít, mức phạt có nặng, nhẹ khác nhau. Việc dựa vào sự siêng học hay không chăm học của học sinh để đánh giá học quan được thực hiện trên cơ sở lấy thông tin từ việc ghi chép đầy đủ danh tính học trò đến lớp học tập hàng ngày. Theo lệ định năm Ất Sửu (1866) nêu rõ: những sĩ nhân ở trong hạt thường ngày đến học tại đường, sĩ số bao nhiêu, tên tuổi, quê quán phải đăng ký hàng ngày, mỗi tháng tổng kết một lần (tại Kinh giao kiêm quản, tại ngoài kinh giao cho tỉnh đạo, phủ huyện kiểm xét nhưng chuyển nộp lưu hồ sơ tại bộ). Khi đến kì khảo hạch, Bộ sẽ căn cứ vào bản đăng ký và danh sách hạch để đối chiếu kiểm tra. Sau khi thi xong, Bộ tuân lệnh chiếu theo số sĩ nhân trong các hạt hiện trúng tuyển so với nguyên số sĩ nhân dự hạch, lại tư cho kiểm tra kỹ càng tại bản đăng ký của các học đường (23).

Trong kỳ khảo khóa hàng tháng, hàng quý của học sinh, nếu học trò bị xếp hạng liệt thì học quan và quan viên quản lý cấp tỉnh cũng sẽ bị xử phạt. Theo định lệ năm 1853 thì: một người xếp hạng liệt, học quan bị phạt trừ bổng 1 năm, tỉnh quan chịu phạt bổng 6 tháng, nay (tức năm 1853) chước giảm học quan phạt chịu bổng 6 tháng, tỉnh quan chịu phạt bổng 3 tháng, theo lệ mà trừ đi, còn thì cấp trả lại, ghi chú trong danh sách, với điều kiện học quan phải tại chức một năm trở lên mới áp dụng hình phạt này.

Đặc biệt, khi dự thi mà thí sinh không làm đầy đủ bài thi, hoặc bỏ giấy trắng không làm được bài thì triều đình căn cứ vào số lượng học trò vi phạm nhiều hay ít để có mức xử phạt học quan tương ứng, mức phạt có xu hướng tăng lên theo thời gian. Chẳng hạn theo lệ năm 1829 dưới triều vua Minh Mệnh, chức Giáo thụ, Huấn đạo có 1 học trò phạm lỗi bị phạt bổng 6 tháng, nếu có 3 trò vi phạm thì Giáo thụ giáng đến 3 cấp có lưu lại chức cũ; Huấn đạo giảm 1 bậc, tội chỉ giáng đến cấp 2 lưu, riêng chức Đốc học xử nặng hơn 1 bậc, giáng tội 4 cấp và đổi đi làm chức vụ khác (24). Đến thời Tự Đức mức phạt được điều chỉnh nặng hơn, nghị định năm 1874 nêu rõ: Sĩ tử nhập trường thi nếu còn có người không đủ sức, viết không thành văn, cùng để giấy trắng, cứ 1 người thì Giáo thụ, Huấn đạo đều bị phạt bổng 1 năm; cứ mỗi hai người như vậy thì phạt tăng thêm 1 bậc; tội chỉ phạt đến 100 trượng,giáng xuống 4 cấp điều đi. Đối với học quan Quốc Tử Giám như Tế tửu, Tư nghiệp, Đốc học, Điển học có 1 người bị đều bị phạt bổng 9 tháng, cứ thêm 3 người phạt tăng lên 1 bậc; tội chỉ phạt đến giáng xuống 3 cấp lưu dụng (25).

Bên cạnh đó, cùng với sự mở rộng lãnh thổ, nhu cầu tăng cường nhân lực có trình độ cho bộ máy chính quyền ngày cao trên khắp lãnh thổ đã tạo điều kiện cho giáo dục Nho học thêm phát triển, nhất là ở khu vực phía Nam, số sĩ tử dự thi ngày càng đông, các học quan khi làm nhiệm vụ thường không xem xét kỹ nên đến kỳ khảo khóa chọn người thi Hương thường xảy ra hiện tượng mượn người đi khảo hạch thay, đến

khi vào thi Hương mới có nhiều sĩ tử không có năng lực làm bài, viết chẳng thành văn hoặc để giấy trắng. Để chấn chỉnh việc học và nâng cao hơn nữa trách nhiệm của các học quan, triều đình đã cho định lại phép xử phạt học quan khi học trò không làm được bài, hoặc để giấy trắng, theo đó nếu có 1 ngườivi phạm lỗi không thành văn hoặc để giấy trắng thì Giáo thụ, Huấn đạo giáng 2 cấp lưu dụng, nếu có 2 người thì chịu tội giáng 4 cấp điều đi làm việc khác; 5 người trở lên thì cách chức thôi việc (26).

Từ năm 1880 trở đi, nhận thấy trình độ học vấn của học trò trong hệ thống các trường học ngày một sa sút, không tiến bộ khi họ dự thi mà không trả lời trúng được câu hỏi đề thi ra "mười phần hiếm được 2, 3 phần, đến nỗi nhiều khi không kén chọn được ai" (27). Nguyên nhân chủ yếu là do thái độ không nghiêm túc thực hiện chức trách quản lý, dạy bảo học trò của đội ngũ học quan: "học quan dạy dỗ không chăm, sĩ tử không có chí chăm chỉ học tập, hoặc là tựa ghế không giảng bài mà chỉ cầu cho hết hạn để thăng chuyển nơi khác, hoặc vin có niên hạn đã đủ mà cầu xin theo chính sự để ghanh đua khiến trở thành nếp, không thể trừng trị" (28). Trước thực trạng đó, triều Nguyễn đã tiến hành xử phạt thật nặng đối với các học quan theo niên hạn công tác. Theo đó các chức Tế tửu, Tư nghiệp, Đốc học, Giáo thụ, Huấn đạo người nào tại chức chưa đủ 1 năm cho miễn phạt, 1 năm trở lên giáng 1 cấp, 2 năm trở lên giáng 2 cấp, 3 năm trở lên giáng 3 cấp, đều cho lưu dụng.

Trong trường hợp địa phương và học quan vừa có học trò đỗ thi Hương, thi Hội, vừa có học trò không làm được bài thi, theo lệ của triều Nguyễn sẽ đem mức được thưởng khấu trừ với mức phạt để giải quyết. Như Nghị định năm 1853 chỉ rõ hạt nào có 1 người trúng Tiến sĩ, học quan được thăng 1 cấp, phạm lỗi 1 người thì học quan đó bị phạt bổng một năm (29). Đến năm 1880, triều Nguyễn quy định cụ thể hơn, theo đó trừ xét học quan có học trò liên quan đến tình trạng hối lộ, đút lót chiếu theo lệ về đút lót mà xử tội nặng, còn như trong hạt của phủ huyện có 1 sĩ tử viết không thành văn, không đủ sức phải để giấy trắng mà có 1 người đỗ Cử nhân, hoặc 2 người đỗ Tú tài thì các Giáo thụ, Huấn đạo đem mức thưởng kỷ lục 1 lần theo nguyên Nghị (chỉ nghị định năm 1874) để khấu trừ. Nếu như bị lỗi 2-3 người trở lên viết không thành văn cùng không đủ sức phải để giấy trắng, mà học quan có 2 người đỗ Cử nhân, hoặc 4 người trở lên đỗ Tú tài cũng đem mức thưởng theo nguyên nghị để khấu trừ. Còn như Đốc học, Tế tửu, Tư nghiệp lần lượt giáng phạt kém 1 bậc so với Giáo thụ, Huấn đạo, nhưng cũng đem mức thưởng theo nguyên Nghị để khấu trừ rồi giáng phạt theo Nghị mới (30). Đối với quan tỉnh, phủ, có tham gia vào việc chấm duyệt mà địa phương mình cai quản có thí sinh phạm lỗi cũng bị phạt nhưng mức độ thấp hơn so với các học quan. Lệ "khấu trừ" này chỉ áp dụng cho những học quan đã tại chức 1 năm trở lên, nếu không đủ 1 năm thì không kể.

4. Nhận xét

Như vậy, đội ngũ học quan trong hệ thống giáo dục Nho học triều Nguyễn có vai trò rất quan trọng đến sự nghiệp giáo dục, đào tạo nhân tài tham gia vào bộ máy nhà nước, do đó bên cạnh những quy định cụ thể về tiêu chí lựa chọn, số lượng, triều Nguyễn rất chú trọng đến việc kiểm tra, đánh giá năng lực học quan tốt, xấu dưới nhiều hình thức khác nhau như: dựa vào thâm niên công tác, dựa vào kết quả khảo hạch của học sinh, kết quả thi Hương, thi Hội, thi Đình và chính từ các kỳ thì sát hạch do quan lại các cấp tương ứng thực

hiện; sự tín nhiệm của học trò về tài năng và đức độ của học quan, thái độ học tập cùng lỗi vi phạm bài thi của học trò.

Lệ sát hạch năng lực học quan không phải đến triều Nguyễn mới có mà được kế thừa từ các triều đại trước, chủ yếu từ thời Lê sơ. Tuy nhiên so với các vương triều trước đó, triều Nguyễn quy định một cách cụ thể hơn về thể lệ sát hạch, trở thành điển chế vận dụng trong suốt các đời vua Gia Long, Minh Mệnh, Thiệu Trị, Tự Đức, tất nhiên triều vua sau luôn có sự điều chỉnh ít nhiều cho phù hợp với yêu cầu mới. Các cơ quan, bộ phận chịu trách nhiệm đánh giá chức học quan theo từng cấp trường học (cấp tỉnh, phủ, huyện), cùng các phương thức tiến hành, hoặc cơ sở để đánh giá, phân loại học quan được triều Nguyễn quy định cụ thể. Dựa trên kết quả đó, triều đình đã đề ra các hình thức khen thưởng, thăng bậc phù hợp cho các học quan có năng lực và phẩm hạnh; hoặc xử phạt, giáng chức thậm chí đuổi việc đối với học quan kém năng lực, không có chuyên môn. Đối với một vương triều rất đề cao Nho giáo, Nho học như triều Nguyễn, thì sát hạch giáo chức còn mang ý nghĩa như là một trong những phương cách quan trọng trong chính sách thanh lọc đội ngũ quan lại trong bộ máy chính quyền (31).

Trong các phương thức đánh giá học quan, việc đánh giá xếp loại học quan dựa vào năng lực, trình độ học tập, thi cử thông qua tỷ lệ số sĩ tử ở từng địa phương tham dự và đỗ ngạch thi Hương, thi Hội được triều Nguyễn quan tâm nhiều hơn cả. Điều đó được thể hiện rõ nhất ở việc triều Nguyễn nhiều lần ban hành chỉ dụ hướng dẫn cụ thể và áp dụng một cách linh hoạt trong việc quy định việc thưởng, phạt học quan với các mức độ nhiều ít có khác nhau dựa trên hạn mức từng địa phương có số lượng thí sinh dự thi bao nhiêu? Trong đó có bao nhiêu số học sinh trúng cách thi Hương (đỗ Cử nhân, Tú tài), trúng cách thi Hội (đỗ Phó bảng, Tiến sĩ) hoặc không có năng lực làm bài đầy đủ, bỏ trắng giấy làm bài khi dự thi. Theo đó, ở những địa phương có số lượng thí sinh tham dự thi Hương, thi Hội ít (mà nguyên nhân chủ yếu là do việc học chưa phát triển hoặc xuất thân từ những vùng khó khăn, xa xôi) mà có số thí sinh dự thi trúng hạng Cử nhân, Tú tài hoặc Phó bảng, Tiến sĩ thì mức thưởng cho học quan ở những địa phương này luôn tương đương với mức thưởng dành cho các học quan ở các địa phương có truyền thống giáo dục, có số sĩ tử dự thi đông gấp đôi, gấp ba. Ngược lại, ở những địa phương nếu có học trò dự thi rất đông mà số lượng học trò vi phạm trường quy, không làm đầy đủ bài, không làm được bài để giấy trắng tương đương với những hạt có số học trò dự thi ít cũng có học trò phạm lỗi thì học quan ở địa bàn đông thí sinh dự thi sẽ bị phạt nặng hơn học quan ở địa phương còn lại. Điều đó cho thấy chính sách ban hành và vận dụng khá linh hoạt của triều Nguyễn nhằm động viên, khuyến khích việc học cho những vùng đất mới khai mở, vùng khó khăn chưa có điều kiện để phát triển giáo dục.

Mục đích của việc sát hạch giáo chức là nhằm đề cao về trách nhiệm của các học quan, tăng cường về chất lượng cho đội ngũ này trong việc giảng dạy, giáo dục học trò, góp phần đào tạo và tuyển chọn nhân tài cho bộ máy chính quyền quân chủ chuyên chế. Do đó, cùng với việc thực thi các chế độ đãi ngộ cả về vật chất, tinh thần, sự coi trọng của việc đánh giá năng lực học quan qua nhiều tiêu chí khác nhau khác nhau của triều Nguyễn đã giúp cho học quan trong hệ thống trường học từ trung ương xuống địa phương thực hiện tốt chức trách của mình. Họ đã có đóng góp rất quan

trọng vào việc giáo dục, đào tạo nhiều Nho sinh đỗ đạt qua khoa cử (đỗ Hương cống/Cử nhân, Phó bảng, Tiến sĩ), chính những Nho sinh này lại trở thành quan lại trong bộ máy chính quyền triều Nguyễn. Từ đó góp phần thúc đẩy hoạt động giáo dục Nho học ngày càng được củng cố và phát triển ở nhiều địa phương, nhất là các tỉnh thuộc miền Nam khi tính đến hết thời Nguyễn đã có 28/31 tỉnh, thành trong cả nước có người đỗ Cử nhân; 23/31 tỉnh có người đỗ Tiến sĩ. *Về hạng Cử nhân*, thời Nguyễn đã lấy đỗ 5.233 người, tập trung nhiều nhất ở vùng Bắc Trung Bộ từ Nghệ An trở ra, nơi vốn có truyền thống giáo dục, khoa cử lâu đời. Trong đó Nghệ An là địa phương có số người cử nhân cao nhất: 565 người, Nam Định 464 người, Thanh Hóa 436 người.... Các tỉnh Nam Kỳ và vùng trung du miền núi là những nơi việc học còn gặp nhiều khó khăn, nhất là vùng đất Nam Kỳ là vùng đất mới mở, việc học chưa phát triển nhưng các địa phương ở đây cũng đã có người đỗ đạt, làm quan cho triều đình. Trong đó, Gia Định là địa phương có nhiều Cử nhân với 130 người; Vĩnh Long 45 người; Định Tường 42 người; ít nhất là tỉnh An Giang 14 người, tiếp đến Biên Hòa: 23 Cử nhân (32). *Về hạng Tiến sĩ*: cả nước thời Nguyễn có 23 tỉnh có người đỗ Tiến sĩ. Cũng như hạng Cử nhân, địa phương có người đỗ Tiến sĩ tập trung ở vùng Bắc Trung Bộ, trong đó Nghệ An là địa phương có nhiều Tiến sĩ nhất: 82 người; Thừa Thiên Huế 59 người; Hà Nội 74 người; Hà Tĩnh 53 người; Quảng Bình 43 người; Quảng Nam 39 người. Một số tỉnh có số Tiến sĩ rất ít như Hưng Yên: 6 Tiến sĩ; Ninh Bình 4 người; Gia Định: 3 Tiến sĩ, Định Tường 2 Tiến sĩ, Vĩnh Long 1 Tiến sĩ…

Không chỉ có công đào tạo, nhiều học quan với nhân cách liêm khẩn, đức hạnh được học trò đương thời kính trọng, tên tuổi còn lưu danh trong sử sách bởi nhân cách và tài năng đào tạo nhiều thế hệ học trò đỗ đạt như: Lê Nguyên Trung (1774-1849) nổi tiếng thanh liêm; Vũ Nhật Tân(1783 -1848) trị nhậm ở đâu cũng đều lập điều ước rõ ràng, lấy việc trọng luân thường, sửa tính nết làm đầu; Phạm Hữu Nghi (1796 -1862); Vũ Tông Phan (1804-1851); Trương Quốc Dụng (1797-1864); Phạm Bá Thiều (1793-?); Phạm Gia Chuyên (1791-?); Đào Danh Văn (1804-?); Phạm Phú Thứ (1820 - 1880).... Đặc biệt có rất nhiều học quan đứng trước những biến động của xã hội bởi sự rối loạn xã hội cùng sự xâm lược của thực dân Pháp từ nửa sau thế kỷ XIX đã đứng lên lãnh đạo, vận động và tập trung quần chúng, học trò chống lại kẻ thù, có thể kể đến các gương mặt như Phạm Văn Nghị (Đốc học ở Nam Định) đã mang học trò của mình từ Nam Định vào Đà Nẵng để toan kháng cự với thực dân Pháp. Hoặc có Nho sĩ là Hoàng Hữu Xứng (người Quảng Trị), khi được bổ chức Huấn đạo huyện Tuy Viễn (thuộc Bình Định) đã bắt được 1 đạo trưởng người Tây dương và 4 người đạo trưởng nước ta, sau được thăng lên chức Tri huyện huyện Hà Đông (Quảng Nam). Năm Nhâm Tuất (1862), khi giữ chức Đốc học Sơn Tây, học quan Doãn Khuê cùng với Nguyễn Văn Thành đã tổ chức lực lượng đánh giặc, lấy được huyện Thanh Ba (thuộc Sơn Tây), sau lại lấy được các châu Yên Lập, Văn Chấn (thuộc Hưng Hóa). Sau đó, ông lại xin triều đình mộ những Cử nhân, Tú tài, thí sinh đi theo quân thứ sai phái để tham gia chống Pháp.

CHÚ THÍCH

(1). Viện Ngôn ngữ học, *Từ điển Tiếng Việt*, Nxb. Đà Nẵng - Trung tâm Từ điển học, 2000, tr.454.

(2). Nội các triều Nguyễn, *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, tập 4, Nxb. Thuận Hóa, 2005, tr. 476.

(3). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, tập 8, Nxb. Giáo dục, 2007, tr.1158.

(4). Nội các triều Nguyễn, *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, tập 4, sđd, tr.72-73.

(5). Nội các triều Nguyễn, *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, tập 4, sđd, tr.477.

(6). Viện Ngôn ngữ học, *Từ điển Tiếng Việt*, sđd, tr. 849.

(7). Ngô Cao Lãng, *Lịch triều tạp kỷ,* Nxb. Khoa học Xã hội, 1995, tr.52.

(8). Nội các triều Nguyễn, *Khâm định Đại Nam Hội điển sự lệ*, tập 4, sđd, tr.485.

(9). Nội các triều Nguyễn, *Khâm định Đại Nam Hội điển sự lệ*, tập 4, sđd, tr. 485.

(10). Quốc sử quán triều Nguyễn*, Đại Nam thực lục*, tập 8, sđd, tr.241.

(11). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, tập 2, Nxb. Giáo dục, 2004, tr.398.

(12). Nội các triều Nguyễn, *Khâm định Đại Nam Hội điển sự lệ*, tập 4, sđd, tr.485.

(13). Nội các triều Nguyễn, *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, tập 4, sđd, tr.486.

(14). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Khâm Định Đại Nam hội điển sự lệ tục biên*, tập 2, sđd, tr.225.

(15). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ tục biên*, tập 2, sđd, tr.226.

(16). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, tập 2*,* sđd, tr.451.

(17). Nội các triều Nguyễn, *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, tập 4, sđd*,* tr.485.

(18). Nội các triều Nguyễn, *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, tập 4, sđd, tr.485.

(19). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Khâm Định Đại Nam hội điển sự lệ tục biên*, tập 2, *sđd,* tr.225.

(20). *Phó bảng*: học vị đặt thêm năm 1829 dưới triều vua Minh Mệnh, học vị này đứng sau Tiến sĩ. Người đỗ học vị Phó bảng không được dự thi Đình, không được hưởng quyền lợi như Tiến sĩ vàtên của họ không được khắc vào bia đá.

(21). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Khâm Định Đại Nam hội điển sự lệ tục biên*, tập 2, sđd, tr.228-229.

(22). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Khâm Định Đại Nam dội điển sự lệ tục biên*, tập 6, sđd, tr.50.

(23). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Khâm Định Đại Nam hội điển sự lệ tục biên*, tập 6, sđd, tr.52.

(24). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục,* tập 2, sđd, tr.865-866.

(25). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Khâm Định Đại Nam hội điển sự lệ tục biên*, tập 2, sđd*,* tr.226.

(26). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Khâm Định Đại Nam hội điển sự lệ tục biên*, tập 2, sđd*,* tr.227.

(27). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Khâm Định Đại Nam hội điển sự lệ tục biên*, tập 2, sđd, tr.226.

(28). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Khâm Định Đại Nam hội điển sự lệ tục biên*, tập 2, sđd*,* tr.226.

(29). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ tục biên*, tập 6, sđd, tr.52.

(30). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Khâm Định Đại Nam hội điển sự lệ tục biên*, tập 2, sđd*,* tr.228.

(31). Dẫn theo: Trịnh Thị Hà, "Bước đầu tìm hiểu về học quan trong hệ thống giáo dục Nho học triều Nguyễn nửa đầu thế kỷ XIX", Tạp chí *Khoa học Xã hội*, Số 7-2021, tr.106.

(32). Thống kê từ: Cao Xuân Dục, *Quốc triều hương khoa lục*, Nxb. Lao động, Trung tâm Văn hóa ngôn ngữ Đông Tây, Hà Nội, 2011,